TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3826/2023/DS-ST
Ngày: 22/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1061/2023/TLST-DS ngày 24/7/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5364/2023/QĐXXST-DS ngày 22/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6004/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 01/19A khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Công Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: 280/46/7 đường T, khu phố H, phường Thạnh X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền công chứng số 928, quyển số 3/2023/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Dĩ An ngày 24/3/2023)

2. Bị đơn: Ông Phạm Đăng M, sinh năm: 1982 – (có mặt).

Địa chỉ thường trú: 2/2 đường N, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 25/19A khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Công Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: 280/46/7 đường T, khu phố 2, phường Thạnh X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền công chứng số 928, quyển số 3/2023/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Dĩ An ngày 24/3/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Do có sự tin tưởng quen biết với ông Phạm Đăng M nên từ ngày 12 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 vợ chồng ông Lê Văn T và bà Lâm Thị H có cho ông Phạm Đăng M vay số tổng số tiền 6.720.000.000 đồng, để ông Phạm Đăng M giải quyết công việc gia đình và đầu tư kinh doanh. Việc vay mượn giữa hai bên có viết giấy thành văn bản ghi rõ số tiền mượn và ký tên xác nhận, được thể hiện cụ thể như sau:

+ Ngày 12/6/2020, ông M vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời hạn trả nợ vào ngày 12/8/2020, ông M đã trả được 320.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 680.000.000 đồng;

+ Ngày 25/7/2020, ông M vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời hạn trả nợ vào ngày 25/7/2021;

+ Ngày 03/8/2020 ông M vay 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ vào ngày 03/02/2021;

+ Ngày 17/8/2020, ông M vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ vào ngày 24/8/2020;

+ Ngày 08/9/2020, ông M vay số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ vào ngày 23/9/2020;

+ Ngày 19/8/2020, ông M vay số tiền 400.000.000 đồng (bốm trăm triệu đồng);

+ Ngày 18/9/2020, ông M vay số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả vào ngày 28/9/2020;

+ Ngày 31/8/2022, ông M vay số tiền 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng),

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, ông Phạm Đăng M có giao 04 xe Ô Tô gồm: 01 (một) xe BMW Biển số 51F – 24077; 01 (một) xe MazDa CX 5 Biển số 61A -74345; 01 (một) xe KiA CERATO Biển số 61 - 68104; 01 (một) xe BMW 318i Biển số 51- 41744 và 03 Hợp đồng mua căn hộ Số: 250/TIIM19/11DMB: số 252/THIM20/1IDMB: Số 275/TTIM19/1IDMB thuộc dự án Chung cư cao cấp HOMYLAND RIVERSIDE Bình Trưng Đông tại quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các xe ô tô vào ngày 18 tháng 03 năm 2021 vợ chồng ông Lê Văn T đã bàn giao lại cho ông M 03 (ba) xe Ô tô gồm:

01 (một) xe Mazda CX 5 Biển số 61A -74345: 01 (một) xe KiA CERATO Biên số 61A 68104:01(một) xe BMW 318i Biển số 51A 41744 đồng thời ông M cam kết vào ngày 29/3/2021 sẽ trả số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Tuy nhiên, sau khi cam kết đến ngày 29/3/2021 ông M cũng không trả, không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Riêng về chiếc xe BMW Biển số 51F-24077 sau khi ông M giao cho vợ chồng ông T để đảm bảo khoản tiền vay thì vào ngày 25/8/2020 ông M có đến gặp vợ chồng ông T đề nghị thuê lại chiếc xe BMW Biển số 51F-24077, việc thuê lại chiếc xe hai bên có lập hợp đồng hai bên ký xác nhận, thời hạn thuê 03 ngày. Thời hạn thuê theo hợp đồng đã hết nhưng cho đến nay ông M cũng không giao lại như đã cam kết, riêng đối với các Hợp đồng mua căn hộ hiện giờ gia đình ông T vẫn dang còn giữ. Việc cầm cố thế chấp các tài sản trên chỉ làm tin, để ông M có trách nhiệm trả nợ, không có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền ông M còn nợ vợ chồng ông T là 6.400.000.000 đồng, ông T đã nhiều lần gặp và yêu cầu ông M trả lại khoản tiền vay nêu trên, ông M hứa hẹn nhiều lần và cam kết trả nợ nhưng đều không thực hiện. Sau sự việc nêu trên ông T đã viết đơn tố cáo ông Phạm Đăng M đến Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và được Cơ quan Điều tra Công An thành phố Thủ Đức đã chuyển đơn đến Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 31/8/2022, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã mời các bên đến trụ Sở Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương để làm việc và giải quyết, tại buổi làm việc, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công An tỉnh Bình Dương đã giải thích vụ việc tố cáo ông M là giao dịch dân sự. Do đó, không có đủ căn cứ để khởi tố ông M về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đồng thời tại buổi làm việc ông Phạm Đăng M xác nhận có vay và còn nợ vợ chồng ông T số tiền 6.400.000.000 đồng, ông M cam kết sẽ trả sau khi bán được thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34 với diện tích 4.936,9m^2, tọa lạc tại xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 015326; Số vào số cấp GCN số CS07142 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/3/2021 và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34, với diện tích 2.635,7m2, đất tọa lạc tại xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA791355, có số vào sổ cấp GCN số: CS07064 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/02/2021. Số tiền còn lại hàng tháng ông M sẽ thanh toán từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Nguyên đơn được biết đối với 02 thửa đất nêu trên hiện ông M đã chuyển nhượng cho người khác nhưng ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết. Nhận thấy, việc ông Phạm Đăng M không trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và cam kết, mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Phạm Đăng M thanh toán, nhưng đến nay ông M vẫn cố tình không trả. Với hành vi của ông M nêu trên đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau:

- Buộc ông Phạm Đăng M phải trả số tiền vay nợ một lần là 6.400.000.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Buộc ông Đặng Văn Minh phải thanh toán số tiền lãi suất trên số tiền vay nợ cụ thể như sau đây:

+ Số tiền: 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng) x 0,83%/ tháng. Thời gian từ ngày 12/8/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 180.200.000 đồng;

+ Số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) x 0,8%/ tháng. Thời gian từ ngày 25/7/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 270.000.000 đồng;

+ Số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) x 0,83%/ tháng Thời gian từ ngày 03/8/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 668.750.000 đồng;

+ Số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) x 0,83%/ tháng. Thời gian từ ngày 17/8/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 26.361.111 đồng;

+ Số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) x 0,83%/ tháng. Thời gian tính từ ngày 08/9/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 218.875.000 đồng;

+ Số tiền 400.000.000 đồng (bốm trăm triệu đồng) x 0,83%/ tháng. Thời gian tính từ ngày 31/8/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 103.888.889 đồng

+ Số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) x 0,83%/ tháng. Thời gian tính từ ngày 18/8/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 92.166.667 đồng;

+ Số tiền 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) x 0,83%/ tháng. Thời gian tính từ ngày 18/9/2022 tạm tính đến ngày 24/3/2023 là: 27.011.111 đồng;

Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/3/2023 là 1.587.252.778 đồng. Do vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/3/2023 là 7.987.252.778 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản thế chấp nói trên.

(2) Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2023, bị đơn ông Phạm Đăng M xác nhận: Năm 2020, do quan hệ quen biết với vợi chồng ông Lê Văn T và bà Lâm Thị H, nên ông M đã nhiều lần vay mượn tiền của ông T và bà H, mỗi lần mượn từ 1.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Mục đích của việc vay mượn tiền là dùng để đầu tư kinh doanh mở nhà hàng. Vào cuối tháng 7 năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhà hàng làm ăn thua lỗ, nên ông M có vay thêm của ông T, bà H số tiền 2.000.000.000 đồng. Việc vay mượn ông M có thế chấp tài sản như nguyên đơn trình bày ở trên, nhưng ông Phạm Đăng M không có yêu cầu giải quyết đối với các tài sản thế chấp làm tin nêu trên. Ông Phạm Đăng M thống nhất và đồng ý toàn bộ nội dung và yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn, xác nhận còn nợ vợ chồng ông Lê Văn T và bà Lâm Thị H tổng số tiền là 6.400.000.000 đồng, ông M đề nghị nguyên đơn xem xét cho ông M được miễn trả phần tiền lãi phát sinh, chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 6.400.000.000 đồng, trong khả năng kinh tế hiện tại, vì hiện nay ông M đang làm tài xế chạy xe ôm

công nghệ thu nhập không cao, sẽ trả mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi xong số nợ trên.

(3) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H xác nhận, bà H và ông Lê Văn T là vợ chồng hợp pháp, số tiền ông T cho ông Phạm Đăng M vay là tài sản chung của hai vợ chồng. Do vậy, bà H thống nhất toàn bộ nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn xác nhận vào tháng 9 năm 2022 bị đơn ông M có trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bị đơn ông Phạm Đăng M trả một lần số tiền nợ gốc 6.280.000.000 đồng và trả tiền lãi tính từ ngày xác nhận số nợ cuối cùng là ngày 31/8/2022 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 22/9/2023) là 387 ngày, trên số dư nợ 6.280.000.000 đồng, mức lãi suất yêu cầu áp dụng trả lãi là 10%/năm, với số tiền lãi yêu cầu ông M phải trả là 665.852.055 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản thế chấp nói trên.

Bị đơn ông Phạm Đăng M xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản thế chấp nói trên. Vào tháng 9 năm 2022, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 6.280.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả dần mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu nguyên đơn bỏ tính lãi và miễn trả phần tiền lãi.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: căn cứ theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kởi kiện. Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tài phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa ông Lê Văn T với ông Phạm Đăng M phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Phạm Đăng M có đăng ký cư trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà số 2/2 đường Ngô Quyền, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bị đơn ông Phạm Đăng M trả một lần số tiền nợ gốc 6.280.000.000 đồng và trả tiền lãi tính từ ngày xác nhận số nợ cuối cùng là ngày 31/8/2022 đến ngày Tòa án

mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 22/9/2023) là 387 ngày, trên số dư nợ 6.280.000.000 đồng, với mức lãi suất yêu cầu áp dụng trả lãi là 10%/năm, tương ứng với số tiền lãi yêu cầu ông M phải trả là 665.852.055 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa cùng sự thừa nhận và xác nhận nợ của bị đơn ông Phạm Đăng M, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ông Lê Văn T và bà Lâm Thị H có cho ông Phạm Đăng M vay tổng số tiền 6.400.000.000 đồng, việc vay mượn tiền giữa hai bên được thực hiện nhiều lần và được lập thành văn bản, cụ thể theo các Giấy vay tiền và số tiền vay cụ thể như sau: Ngày 12/6/2020, ông M vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 12/8/2020, ông M đã trả được 320.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 680.000.000 đồng; Ngày 25/7/2020, ông M vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 25/7/2021; Ngày 03/8/2020 ông M tiếp tục vay thêm số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 03/02/2021; Ngày 17/8/2020, ông M vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 24/8/2020; Ngày 08/9/2020, ông M vay số tiền 850.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 23/9/2020; Ngày 19/8/2020, ông M vay số tiền 400.000.000 đồng, nhưng không hẹn ngày trả; Ngày 18/9/2020, ông M vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 28/9/2020; Ngày 31/8/2022, ông M vay số tiền 520.000.000 đồng, cam kết mỗi tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong, bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2022.

Như vậy, theo các Giấy vay tiền trên, thì giữa các bên có giao kết hợp đồng vay tiền có thời hạn trả lại tiền gốc và không có thỏa thuận trả lãi. Riêng giấy vay tiền ngày 19/8/2020, ông M vay số tiền 400.000.000 đồng, không có thỏa thuận về thời gian trả nợ, tuy nhiên, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông M trả lại số tiền này vào cuối tháng 8 năm 2020 nhưng cho đến nay ông M vẫn chưa trả lại. Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Công an tỉnh Bình Dương hai bên có lập Biên bản thỏa thuận về việc trả nợ, xác nhận tổng số tiền ông M còn nợ là 6.400.000.000 đồng, ông M cam kết sẽ trả nợ và đưa ra nhiều hứa hẹn và phương thức trả nợ. Tuy nhiên, cho đến nay ông M vẫn không thực hiện đúng cam kết thỏa thuận đã hứa, chỉ trả được số tiền 120.000.000 đồng vào tháng 9 năm 2022, sự việc này được ông M xác nhận tại phiên tòa. Xét thấy, thời hạn vay giữa các bên đã hết, các khoản nợ đã đến ngày trả lại nhưng ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, đó là bên vay tiền phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Đến nay, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên đã hết, nhưng bị đơn vẫn không trả lại số tiền nợ gốc đã vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền nợ gốc đã vay 6.280.000.000 đồng là có căn cứ và cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy*

đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ...”. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Phạm Đăng M trả tiền lãi tính từ ngày xác nhận số nợ cuối cùng là ngày 31/8/2022 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 22/9/2023) là 387 ngày, trên số dư nợ còn lại 6.280.000.000 đồng áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, với số tiền lãi yêu cầu ông M phải trả là 665.852.055 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, phù hợp với nhận định tại Mục [3.1] nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nhận thấy, việc vay mượn tiền giữa các bên đương sự có cầm cố, thế chấp 04 xe Ô tô con gồm: 01 (một) xe BMW Biển số 51F-24077; 01 (một) xe MazDa CX 5 Biển số 61A -74345; 01 (một) xe KiA CERATO Biển số 61- 68104; 01 (một) xe BMW 318i Biển số 51F-41744 và 03 Hợp đồng mua căn hộ Số: 250/TIIM19/11DMB: số 252/THIM20/1IDMB: Số 275/TTIM19/1IDMB thuộc dự án Chung cư cao cấp HOMYLAND RIVERSIDE Bình Trưng Đông, tại quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh. Việc cầm cố, thế chấp giữa các bên nhằm mục đích làm tin (tín chấp), không có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, các bên đã tự thỏa thuận, giao trả tài sản và đã xử lý, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối vơi những tài sản cầm cố và thế chấp này. Xét thấy, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Do vậy, áp dụng theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Đăng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Lê Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 96, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Đăng M có nghĩa vụ trả ngay một lần cho ông Lê Văn T tổng số tiền là 6.959.852.055 đồng, trong đó tiền nợ gốc 6.280.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 665.852.055 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Đăng M không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng ông M còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 114.945.852 đồng, buộc ông Phạm Đăng M phải nộp theo quy định. Trả lại cho ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí 57.993.626 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0004288 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên